

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán

Dự án: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về ban hành Chương trình công tác năm 2016; Công văn số 1258/UBND-THKH ngày 05/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Xét đề nghị của UBND huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 15/02/2016; của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 766/SKHĐT-QH ngày 11/3/2016 về việc báo cáo kết quả thẩm định đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên dự án: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Cơ quan lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Quan Sơn.

3. Mục tiêu của dự án quy hoạch:

Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 phù hợp với điều kiện bối cảnh phát triển mới, đặc biệt là xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và vùng miền núi của tỉnh, đảm bảo khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và cơ hội phát triển đưa Quan Sơn sớm trở thành một trong những huyện trọng điểm kinh tế của vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa.

4. Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch

- Phạm vi lập quy hoạch: Trên địa bàn huyện Quan Sơn.
- Thời kỳ lập quy hoạch: Giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030.

5. Nội dung đề cương nhiệm vụ dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (có Phụ lục I Đề cương nhiệm vụ kèm theo).

6. Dự toán và nguồn vốn

- Dự toán: kinh phí thực hiện là 945.000.000 đồng; Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi lăm triệu đồng (có Phụ lục II Dự toán kinh phí kèm theo).
- Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 75 triệu đồng, theo Quyết định 2657/QĐ-UBND ngày 05/9/2007, từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch được cân đối hàng năm và nguồn kinh phí ngân sách huyện Quan Sơn.

7. Thời gian thực hiện: Từ tháng 2/2016 đến tháng 10/2016.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện Quan Sơn (chủ đầu tư) căn cứ nội dung đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo, bảo đảm đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, có trách nhiệm giải quyết các công việc liên quan đến ngành mình, đơn vị mình; đồng thời hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tạo điều kiện cho chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án bảo đảm chất lượng, đúng thời gian quy định.

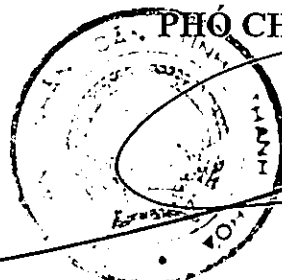
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

 Phụ lục số I
ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ
Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 30 / 3 /2016 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phần mở đầu

1. Sự cần thiết phải lập quy hoạch

2. Căn cứ lập quy hoạch

3. Phạm vi, thời kỳ quy hoạch

- Phạm vi: Trên địa bàn huyện Quan Sơn.
- Thời kỳ: Giai đoạn 2016 – 2025, định hướng đến 2030.

4. Mục đích

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm xác định phương án phát triển phù hợp với bối cảnh phát triển mới; đảm bảo khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực và cơ hội cho phát triển, nhanh chóng đưa Quan Sơn sớm thành một trong những huyện trọng điểm kinh tế của tỉnh Thanh Hóa.

5. Yêu cầu

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phải đảm bảo tính thực tiễn, khoa học; đồng thời, có tính kế thừa, đồng bộ với các quy hoạch khác có liên quan, đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo và điều hành để phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội huyện trong giai đoạn mới.

Phần thứ nhất

Đánh giá các yếu tố, nguồn lực phát triển.

1. Các yếu tố tự nhiên.

- Vị trí địa kinh tế và lãnh thổ của huyện.
- Đánh giá điều kiện lợi thế, hạn chế về vị trí địa kinh tế của huyện đối với giao lưu kinh tế, văn hóa và xã hội.
- Đánh giá đặc điểm điều kiện lãnh thổ và khí hậu.

2. Tài nguyên thiên nhiên chủ yếu

Đánh giá hiện trạng nguồn tài nguyên cho phát triển kinh tế - xã hội: tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng đất, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên du lịch.

3. Nguồn nhân lực

Đánh giá tình hình biến động dân số, lao động và thực trạng nguồn nhân

lực về số lượng và chất lượng cho phát triển kinh tế - xã hội; dự báo phát triển dân số và nguồn nhân lực.

4. Đánh giá chung những biến động về nguồn lực tài nguyên và khả năng huy động vào phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ quy hoạch.

Phần thứ hai

Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2015

1. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, môi trường thời kỳ 2010 - 2015

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về: phát triển kinh tế ; văn hóa, xã hội; bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng.

2. Đánh giá thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực

2.1. Các ngành kinh tế

Đánh giá tổng hợp hiện trạng phát triển các ngành: nông lâm thủy sản; công nghiệp – xây dựng, dịch vụ; so sánh với thời kỳ 2006 – 2010.

2.2. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

Đánh giá tổng hợp thực trạng phát triển các lĩnh vực: Khoa học và công nghệ; giáo dục và đào tạo; y tế; văn hóa thể dục thể thao; lao động việc làm và an sinh xã hội.

2.3. Tài nguyên môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

Đánh giá công tác quản lý đất đai, khoáng sản; công tác bảo vệ môi trường và tuân thủ các quy định về môi trường; các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.4. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng

Đánh giá việc đầu tư, phát triển hạ tầng các lĩnh vực: Giao thông; cung cấp điện; viễn thông và công nghệ thông tin; cấp, thoát nước; thủy lợi.

2.5. Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới

Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch về phát triển đô thị, xây dựng nông thôn mới và phát triển các tiểu vùng kinh tế.

2.6. Quốc phòng - An ninh

3. Đánh giá tổng hợp thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Đánh giá những thành tựu nổi bật đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2015; những hạn chế yếu kém và nguyên nhân (khách quan và chủ quan).

Phần thứ ba

Bối cảnh tác động và lựa chọn phương án phát triển

1. Đánh giá bối cảnh phát triển

Đánh giá bối cảnh phát triển trong nước, quốc tế và của tỉnh Thanh Hóa:

phân tích, dự báo ảnh hưởng của những yếu tố, xu hướng phát triển bên ngoài có tác động quan trọng đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tới;

2. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức

3. Dự báo phương án phát triển

Dự báo và luận chứng lựa chọn phương án tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế giai đoạn (2016- 2020), giai đoạn (2021- 2025), có tính đến năm 2030, trên cơ sở đó xây dựng các mục tiêu quy hoạch chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường.

Phần thứ tư

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

I. Quan điểm phát triển

II. Quy hoạch đến năm 2025

1. Mục tiêu phát triển

Xác định hệ thống mục tiêu tổng quát và các chỉ tiêu phát triển chủ yếu về các mặt kinh tế, xã hội, môi trường, xây dựng kết cấu hạ tầng giai đoạn 2016 - 2020 và 2021 – 2025.

2. Sản phẩm, lĩnh vực ưu tiên phát triển

Xác định sản phẩm, lĩnh vực ưu tiên phát triển của huyện giai đoạn 2016 – 2020 và giai đoạn 2021 - 2025.

3. Quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực

3.1. Phát triển các ngành kinh tế

- *Nông, lâm, thủy sản*: Định hướng, mục tiêu phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp (phát triển các cây trồng, vật nuôi chủ yếu); phát triển các vùng nông sản hàng hóa tập trung; phát triển hệ thống thủy lợi.

- *Công nghiệp, xây dựng*: Định hướng, mục tiêu phát triển các ngành, sản phẩm công nghiệp chủ yếu và tiểu thủ công nghiệp; phát triển hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- *Dịch vụ*: Định hướng, mục tiêu phát triển các ngành, sản phẩm thương mại, du lịch, vận tải - kho bãi, thông tin - viễn thông, tài chính - ngân hàng.

3.2. Phát triển các lĩnh vực văn hóa - xã hội

- *Giáo dục và đào tạo*: Luận chứng các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo: Kiên cố hóa trường lớp học; tỷ lệ các trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ giáo viên các cấp đạt chuẩn; tỷ lệ phổ cập giáo dục.

- *Y tế và chăm sóc sức khỏe*: mục tiêu, định hướng phát triển mạng lưới cơ sở khám chữa bệnh, y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- *Văn hóa, thể dục, thể thao*: Luận chứng các mục tiêu phát triển văn hóa,

thể dục thể thao; định hướng phát triển các thiết chế văn hóa cơ sở, sở làng bản, cơ quan văn hóa, sở người luyện tập thể thao thường xuyên.

- *Khoa học và công nghệ*: Luận chứng các nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, định hướng phát triển và công tác xã hội hóa hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn huyện.

- *Lao động việc làm và giảm nghèo*: mục tiêu, định hướng về an sinh xã hội, giảm nghèo, giải quyết việc làm cho lao động, thực hiện các chương trình, chính sách xã hội.

3.3. Tài nguyên môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Định hướng sử dụng đất, quản lý và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên nước, rừng, khoáng sản; ứng phó biến đổi khí hậu.

- Định hướng bảo vệ môi trường, phòng chống và xử lý ô nhiễm môi trường, phát triển xây dựng hạ tầng môi trường thu gom và xử lý rác thải, nước thải.

3.4. Phát triển kết cấu hạ tầng

- *Hệ thống giao thông*: định hướng quy hoạch phát triển hệ thống giao thông theo hướng đồng bộ, đảm bảo tăng cường kết nối các khu vực trong huyện và với bên ngoài nhất là với hệ thống đường tỉnh, quốc lộ và các trọng điểm kinh tế, đô thị của tỉnh.

- *Hệ thống cấp điện*: định hướng quy hoạch phát triển hệ thống cấp điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực nông thôn và đô thị.

- *Hệ thống bưu chính, viễn thông*: định hướng quy hoạch phát triển hạ tầng bưu chính - viễn thông theo hướng hiện đại đáp ứng hoạt động kinh tế, xã hội.

- *Hệ thống cấp, thoát nước*: định hướng quy hoạch phát triển hệ thống cấp nước đô thị, các khu vực tập trung công nghiệp, dịch vụ và cấp nước sinh hoạt nông thôn.

- *Hệ thống thủy lợi*: đê, hồ, đập, hệ thống tưới, hệ thống tiêu, ...

3.5. Quy hoạch không gian lãnh thổ

- *Phát triển đô thị*: định hướng quá trình đô thị hóa, phát triển không gian đô thị, bố trí hệ thống đô thị và các đô thị hạt nhân có tính đến năm 2030.

- *Phát triển xây dựng nông thôn mới*: xác định mục tiêu xây dựng nông thôn mới, bố trí xây dựng phát triển các xã, cụm xã hình thành vùng nông thôn mới.

- *Phát triển các tiểu vùng kinh tế*: bố trí các tiểu vùng kinh tế, xác định tiểu vùng kinh tế động lực và định hướng phát triển các tiểu vùng kinh tế đáp ứng yêu cầu khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng tiểu vùng, thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đô thị hóa gắn với giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

4. Quốc phòng - an ninh

Phương hướng nhiệm vụ chủ yếu về bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự

an toàn xã hội, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thể trận an ninh nhân dân.

III. Mục tiêu, định hướng phát triển thời kỳ đến 2030

1. Định hướng phát triển chung đến 2030

2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu

IV. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Phần thứ năm

Các giải pháp thực hiện quy hoạch

- Giải pháp về huy động vốn đầu tư
- Giải pháp về thị trường và tiêu thụ sản phẩm
- Giải pháp về khoa học - công nghệ
- Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực
- Giải pháp về cải cách hành chính, quản lý nhà nước
- Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch

4. Hồ sơ sản phẩm

- Báo cáo tổng hợp quy hoạch kèm các bản đồ màu A3.
- Báo cáo tóm tắt thuyết minh, trình duyệt quy hoạch.
- Các bản đồ hiện trạng, quy hoạch theo quy định.

5. Thời gian thực hiện: Từ tháng 2/2016 đến tháng 10/2016

6. Dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện

- Dự toán kinh phí: 945.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

- Nguồn vốn: UBND huyện Quan Sơn chủ động bố trí kinh phí lập quy hoạch; ngân sách tỉnh hỗ trợ 75.000.000 đồng theo mức quy định tại Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 05/9/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh từ nguồn sự nghiệp kinh tế dành cho các dự án quy hoạch.

Phụ lục số II: Dự toán kinh phí lập Dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Quan Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Mức chi phí tối đa (%)	Kinh phí chủ đầu tư trình	Kinh phí sau thẩm định
	TỔNG CỘNG (A+B+C)		785.000	945.000
A	Kinh phí theo thông tư số 01/2012/TT-BKHĐT	100	646.000	869.000
I	Chi phí chuẩn bị đề cương nhiệm vụ và dự toán	2	12.900	17.380
1	Chi phí xây dựng đề cương	1,5	9.700	13.035
2	Chi phí lập dự toán theo đề cương	0,5	3.200	4.345
II	Chi phí nghiên cứu xây dựng báo cáo quy hoạch	86	555.600	747.340
1	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	5	32.300	43.450
2	Chi phí thu thập bổ sung về số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	4	25.800	34.760
3	Chi phí khảo sát thực địa	6	38.800	52.140
4	Chi phí thiết kế, xây dựng quy hoạch	71	458.700	616.990
4.1	Phân tích và dự báo tác động của các yếu tố bên ngoài	2	12.900	17.380
4.2	Phân tích và dự báo tác động của các yếu tố bên trong	2	12.900	17.380
4.3	Phân tích, đánh giá hiện trạng phát triển KT -XH	4	25.800	34.760
4.4	Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển	2	12.900	17.380
4.5	Nghiên cứu các phương án mục tiêu tăng trưởng	2	12.900	17.380
4.6	Nghiên cứu phương hướng, giải pháp thực hiện mục tiêu	42,5	274.600	369.325
	a. Nghiên cứu, lựa chọn cơ cấu kinh tế	2	12.900	17.380
	b. Nghiên cứu các phương án phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu	16	103.400	139.040
	c. Nghiên cứu các phương án phát triển kết cấu hạ tầng	9	58.100	78.210
	d. Nghiên cứu phương án phát triển nguồn nhân lực	2	12.900	17.380
	e. Nghiên cứu phương án phát triển khoa học và công nghệ	1	6.500	6.560
	f. Xây dựng các phương án bảo vệ môi trường	2	12.900	13.120
	g. Xây dựng các phương án tính toán nhu cầu và đảm bảo vốn đầu tư	2	12.900	13.120

	h. Xây dựng các phương án hợp tác	1	6.500	6.560
	i. Xây dựng các chương trình dự án đầu tư tổng điểm và cơ chế tài chính	1,5	9.700	9.840
	k. Xây dựng phương án tổ chức kinh tế - xã hội theo lãnh thổ	5	32.300	32.800
	l. Xây dựng phương án tổ chức và điều hành thực hiện quy hoạch	1	6.500	6.560
4.7	<i>Xây dựng báo cáo tổng hợp và hệ thống báo cáo liên quan</i>	11,5	74.300	75.440
	a. Xây dựng báo cáo đề dẫn	2,5	16.200	16.400
	b. Xây dựng báo cáo tổng hợp	7,5	48.500	49.200
	c. Xây dựng báo cáo tóm tắt	0,9	5.800	5.904
	d. Xây dựng văn bản trình thẩm định	0,3	1.900	1.968
	e. Xây dựng văn bản trình phê duyệt	0,3	1.900	1.968
4.8	<i>Xây dựng hệ thống bản đồ quy hoạch</i>	5	32.300	32.800
III	Chi phí khác	12	77.500	78.720
1	Chi phí quản lý dự án	4	25.800	26.240
2	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	1	6.500	6.560
3	Chi phí thẩm định quy hoạch	4	25.800	26.240
4	Chi phí công bố quy hoạch	3	19.400	19.680
B	Chi phí nghiên cứu bổ sung định hướng phát triển đến năm 2030		100.000	0
1	Nghiên cứu mục tiêu và quan điểm phát triển		12.000	0
2	Nghiên cứu phương án mục tiêu tăng trưởng		12.000	0
3	Định hướng lựa chọn cơ cấu kinh tế		12.000	0
4	Định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu		34.000	0
5	Định hướng tổ chức kinh tế - xã hội theo lãnh thổ		30.000	0
C	Thuế VAT 10% = (I+II)*10%	10	39.000	76.000